



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 74 /PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240306/14
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Trạm cấp nước Tương Dương
Thị trấn Thạch Giám, Huyện Tương Dương, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,61
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	7,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,91
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,46
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2 Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4 Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,51
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	5,67
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	48
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,216
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	64,3
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT



Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 75/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy **Mã số/Code:** 240306/15
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Cây xăng Thương Hiệp
Khối Hòa Bắc, Thị Trấn Thạch Giám Huyện Tương Dương, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 15h00 ngày 16/03/2023
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** 16h00 ngày 16/03/2023
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,59
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	7,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,95
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,51
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	< 0,5
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	48
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,21
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,191
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	6,528
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	70,2
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY



Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017. *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ. **Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 76/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240306/16
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Thái Ngô Đông
Khởi Hòa Nam, Thị Trấn Thạch Giá, Huyện Tương Dương, Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 15h00 ngày 16/03/2023
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 16h00 ngày 16/03/2023
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,44
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	10
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	1,19
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,49
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Thông số vô cơ					
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,83
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	5,67
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	46
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,23
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	62,7
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY



Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 62/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy **Mã số/Code:** 240302/02
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Trạm cấp nước Nghĩa Đồng
Xã Nghĩa Đồng, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 16h00 ngày 08/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ 16h00 ngày 08/03/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,41
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	10
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402- 1:2020	2	1,86
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,41
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2 Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /

The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4 Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017

6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,51
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	5,67
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	74
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,316
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500- FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	0,5
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	90,9
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 63/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240302/03
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Lê Thị Quỳnh Như
Xóm 2 xã Nghĩa Đồng, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 16h00 ngày 08/03/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,39
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	10
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402- 1:2020	2	1,46
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,47
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,51
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	5,67
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	78
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,413
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	94,5
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT



HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

2/2

✓

C. Thanh

Phạm Đình Du

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng. 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm.
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer: 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 64/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240302/04
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: UBND xã Nghĩa Đồng, Xóm 6, Xã Nghĩa Đồng,
Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 16h00 ngày 08/03/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,3
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	10
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	1,97
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,43
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,15
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	74
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,389
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	0,725
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	91
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY



Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 65/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240303/05
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Trạm cấp nước Tân Kỳ
Xã Kỳ Tân, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 16h00 ngày 08/03/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,87
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	5,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,9
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,48
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017

6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,15
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	7,09
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	74
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,19
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,172
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	92,4
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA PHÓ GIÁM ĐỐC
HEAD OF DEPARTMENT VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh


Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 66 /PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240303/06
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Chu Văn Thảo
Khối 7, Thị trấn Tân Kỳ, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 16h00 ngày 08/03/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,7
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	5,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,89
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,52
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2 Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4 Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,15
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	7,09
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	78
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,192
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	12,601
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	109
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT



Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 bản trả cho khách hàng, 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 67/PKN-KSBT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240303/07
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Lê Văn Diệp
Khối 3 Thị trấn Tân Kỳ, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 16h00 ngày 08/03/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,59
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	6,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,92
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,47
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2 Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /

The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4 Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer: 01 document is stored at Testing Department

5* Chỉ tiêu được công nhận ISO IEC 17025:2017 *Tests are accredited ISO IEC 17025:2017

6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,99
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	5,67
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	80
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,195
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	5,271
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	102
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 71/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240305/11
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Trạm cấp nước Con Cuông
Thị trấn Con Cuông, Huyện Con Cuông, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà- Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 16h00 ngày 08/03/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,75
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	5,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,7
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,49
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017

6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,15
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	5,67
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	86
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,23
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,218
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	103
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT



HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

[Signature]

[Signature]

[Signature]

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 documents is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 72/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240305/12
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Cao Xuân Danh
Khối 5 Thị trấn Con Cuông, Huyện Con Cuông, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà- Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 16h00 ngày 08/03/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,76
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	4,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,67
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,53
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,15
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	88
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,22
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,236
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	104,4
21	Xyanua (CN^-)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ CHAM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ / **Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 73/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy **Mã số/Code:** 240305/13
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Trung tâm dịch vụ nông nghiệp
Khối 3, Thị Trấn Con Cuông Huyện Con Cuông, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 16h00 ngày 08/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Bs Hoà- Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ 16h00 ngày 08/03/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
<i>Thông số vi sinh vật</i>					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
<i>Thông số cảm quan và vô cơ</i>					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,7
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	5,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,81
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,51
Các thông số nhóm B					
<i>Thông số vi sinh vật</i>					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

Phạm Đình Du

- Soát xét: 1



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 68/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy **Mã số/Code:** 240304/08
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Trạm cấp nước Anh Sơn
Thị trấn Anh Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 16h00 ngày 08/03/2023
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ 16h00 ngày 08/03/2023
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,42
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	4,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,77
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,43
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,51
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	88
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,118
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	103,6
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA PHÓ GIÁM ĐỐC
HEAD OF DEPARTMENT VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 69/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240304/09
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Lê Hữu Nam
Tổ dân phố 4, Thị trấn Anh Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 08/03/2023
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 16h00 ngày 08/03/2023
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,37
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	3,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,75
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,49
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,83
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	92
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,22
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,122
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	107,9
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY



Dương Thị Thảo

Trần Thị Quyên

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 70/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240304/10
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Công ty TNHH Thuỷ Lợi Tây Nam
Thị trấn Anh Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 08/03/2023
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ 16h00 ngày 08/03/2023
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,61
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	4,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,79
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,41
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ /**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,51
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	5,67
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	94
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,22
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,111
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	0,463
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	110,7
21	Xyanua (CN $^-$)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

HÓA-CHEMICAL

VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT



[Signature]

Dương Thị Thảo

[Signature]

Trần Thị Quyên

[Signature]

Cao Thúy Trinh

Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 77/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240307/17
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Trạm cấp nước Kỳ Sơn
Thị trấn Mường Xén, Huyện Kỳ Sơn, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,42
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	8,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	1,04
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,52
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2 Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,51
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	20
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,19
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,259
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	35,7
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Trần Thị Quyên


Cao Thúy Trinh



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 78/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240307/18
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Bùi Mạnh Hoàng, Khối 3 Thị trấn Mường Xén
Huyện Kỳ Sơn, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,51
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	8,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	1,09
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,48
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2 Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3 Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4 Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6** Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,51
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	22
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,19
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,338
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	37,8
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



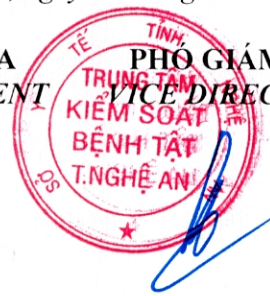
Dương Thị Thảo



Trần Thị Quyên



Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- *.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- 6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ.**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No : 79/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240307/19
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Lê Văn Long , Khối 4 Thị trấn Mường Xén
Huyện Kỳ Sơn, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 2 chai, 500mL/chai nút mài x 2 chai
(Chai nhựa, chai thủy tinh niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: Bs Hoà – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: 16h00 ngày 08/03/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,38
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	10
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	1,33
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,55
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	< 0,5
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	< 5,0
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	18
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,19
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,261
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	4,765
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	38,5
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp
Vinh, ngày 19 tháng 03 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Dương Thị Thảo



Trần Thị Quyên



Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 137/PKN-KSBT
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240333/76
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nhà máy nước Cầu Bạch
Xã Nam Giang – Huyện Nam Đàn – Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,85
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,43
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,36
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,92
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	17,02
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	82
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,451
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	0,118
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	112
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Lê Thị Nga


Cao Thúy Trinh



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm.
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 138/PKN-KSBT
TEST REPORT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240333/77
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Lê Văn Hùng
Xóm 4 - Xã Nam Giang – Huyện Nam Đàn – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,75
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,56
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,43
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- * Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests are use subcontractors
- 6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,92
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	18,43
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	86
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,593
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	1,65
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	118
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

Dương Thị Thảo

Lê Thị Nga

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 139PKN-KSBT
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240333/78
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Đại lý điện Khánh Thành
Xóm Mậu 1 - Xã Kim Liên – Huyện Nam Đàn – Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,64
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,21
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,39
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,41
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	21,27
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	80
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,539
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	2,012
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	115
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

Dương Thị Thảo

Lê Thị Nga

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- *.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- 6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 128/PKN-KSBT
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240330/67
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Trạm cấp nước Đô lương
Thị trấn Đô Lương - Huyện Đô Lương – Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,54
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,85
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,39
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1.Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5*.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017

6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ.**Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,02
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	7,09
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	82
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,21
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,23
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	0,99
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	101
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÒA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

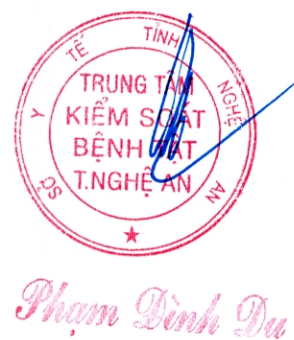
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Lê Thị Nga


Cao Thúy Trinh



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An / The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/ The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- *.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ecredited ISO/IEC 17025:2017
- **Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 129/PKN-KSBT
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240330/68
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Hồ Thị Thương
Xóm 3 - Xã Đông Sơn- Huyện Đô Lương – Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,69
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,38
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,52
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,64
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	6,38
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	90
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,22
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,28
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	0,933
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	108
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÒA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Lê Thị Nga


Cao Thúy Trinh



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: I30/PKN-KSBT
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240330/69
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Quán bún cá chấm
Xóm Yên Định - Xã Yên Sơn - Huyện Đô Lương – Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,68
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,37
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,48
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Pseudomonas aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0.83
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	6.38
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	90
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,22
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,401
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	1,447
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	109
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÒA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Lê Thị Nga

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 134/PKN-KSBT
TEST REPORT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy **Mã số/Code:** 240332/73
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Nhà máy nước Hưng Nguyên
Khối 8- Thị trấn Hưng Nguyên - Huyện Hưng Nguyên – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 8h00 ngày 21/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,69
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,41
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,37
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5*.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017

6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,41
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	34,03
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	78
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,22
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,38
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	0,4
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	124
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

HÒA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

Dương Thị Thảo

Lê Thị Nga

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản tra cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer: 01 document is stored at Testing Department
- *.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- 6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 135/PKN-KSBT
TEST REPORT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240332/74
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Quán cây sung
Khối 4- Thị trấn Hưng Nguyên - Huyện Hưng Nguyên – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,55
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,3
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,43
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0.006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,86
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	31,2
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	82
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,22
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,448
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	2,639
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0.00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	128
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÒA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Lê Thị Nga

Cao Thúy Trinh



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department/
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.*/Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ.*/Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 136PKN-KSBT
TEST REPORT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy **Mã số/Code:** 240332/75
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Nguyễn Văn Luận
Khối 9- Thị trấn Hưng Nguyên - Huyện Hưng Nguyên – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 8h00 ngày 21/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,61
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	3,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	1,05
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,41
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017. *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ. **Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,54
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	34,03
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	80
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,22
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,494
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	1,103
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	127
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÒA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Lê Thị Nga


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- *Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017
- **Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No.: 133/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240331/72
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Trần Ngọc Lợi
Xóm 03, Xã Tân Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,56
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,12
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,45
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /

The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017

6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,64
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	19,85
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	94
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,23
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,29
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	1,03
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	125,8
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Lê Thị Nga


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 132/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240331/71
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nguyễn Tất Mười
Xóm Hồ Sen Khuôn, Xã Hoà Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,49
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,37
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,49
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2.Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /

The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017. *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017

6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0.64
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	23,4
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	88
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,22
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,296
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	1,229
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	123,6
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện cỡ ngửi là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÒA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Lê Thị Nga

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
- Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 131/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy nhà máy Mã số/Code: 240331/70
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nhà máy nước Hòa Sơn
Xóm Yên Sơn, Xã Hoà Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02chai, 500mL/chai nút mài x 02chai(có niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,64
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,31
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,41
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mũ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017

6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,02
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	23,4
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	92
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,23
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,329
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	126,7
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Lê Thị Nga

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area ccredited ISO IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 127/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240329/66
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nguyễn Văn Thức
Khối 3 - Thị Trấn Dũng - Huyện Thanh Chương – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,53
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,85
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,53
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH

1 Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2 Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /

The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3.Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4.Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5*.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017

6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

	Thông số vô cơ				
10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,77
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	9,22
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	78
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,21
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,325
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	3,641
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	102
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÒA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT
PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Lê Thị Nga


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 126/PKN-KSBT
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240329/65
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Phường Bá Thanh
Khối 2A- Thị trấn Dũng - Huyện Thanh Chương – Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,54
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,59
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,57
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /

The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017

6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

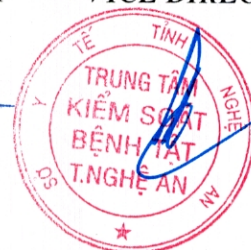
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thi Thảo

Lê Thị Nga

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chi tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area credited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chi tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)
Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Số/No.: 125/PKN-KSBT
TEST REPORT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy **Mã số/Code:** 240329/64
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Trạm cấp nước Thanh Chương
Thị trấn Dũng - Huyện Thanh Chương – Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 8h00 ngày 21/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
<i>Thông số vi sinh vật</i>					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
<i>Thông số cảm quan và vô cơ</i>					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,61
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,53
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,51
Các thông số nhóm B					
<i>Thông số vi sinh vật</i>					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
<i>Thông số vô cơ</i>					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1.02
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	8,51
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	74
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,19
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,267
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	93
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÒA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Lê Thị Nga


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area-ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 122/PKN-KSBT
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240328/61
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Trạm cấp nước Nam Đàn
Thị trấn Nam Đàn - Huyện Nam Đàn – Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,74
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	5,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	1,23
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,42
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017. *Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017

6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ. **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,58
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	8,51
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	82
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,257
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	101
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Lê Thị Nga


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
- *.Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccrcdited ISO/IEC 17025:2017
- 6**.Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 123/PKN-KSBT
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240328/62
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nguyễn Trọng Sỹ
Khối Vạn An- Thị trấn Nam Đàn - Huyện Nam Đàn – Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,74
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	1,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,38
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,49
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococusaureu)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps.Auruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,22
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	8,51
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	72
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,19
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,288
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	92
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR



Dương Thị Thảo



Lê Thị Nga



Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ/No.: 124/PKN-KSBT
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240328/63
2. Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nguyễn Văn Đạt
Khối Nam Sơn Bắc - Thị trấn Nam Đàn - Huyện Nam Đàn – Tỉnh Nghệ An
3. Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
4. Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
5. Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
6. Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
7. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QĐP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,69
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	5,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	1,14
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,46
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017
6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	0,9
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	9,93
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	72
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,19
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,317
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	93
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÓA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Lê Thị Nga


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests area ccertified ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No.: 140/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy **Mã số/Code:** 240334/79
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Nhà máy nước Kim Liên
Xóm Mậu 3, Xã Kim Liên, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 8h00 ngày 21/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	1,27
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,48
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,48
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)

† Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

‡ Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

§ Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

¶ Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/*Tests are accredited ISO/IEC 17025:2017

6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,54
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	14,89
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	80
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,697
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	107
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÒA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Lê Thị Nga


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 141/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample: Nước máy Mã số/Code: 240334/80
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations: Nhà hàng làng Nghé
Làng Cồn, Xóm Mậu 5, Xã Kim Liên, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description: 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time: 8h00 ngày 21/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man: ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time: Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
	Thông số vi sinh vật				
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
	Thông số cảm quan và vô cơ				
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	1,37
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	1,0
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,57
Các thông số nhóm B					
	Thông số vi sinh vật				
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
	Thông số vô cơ				

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500- NH_3F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,47
12	Chloride (Cl^-)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	14,18
13	Độ cứng tính theo CaCO_3 *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	70
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,19
15	Nitrat (NO_3^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,859
16	Nitrit (NO_2^- tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	KPH(< 0,017)
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	97
21	Xyanua (CN)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÒA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

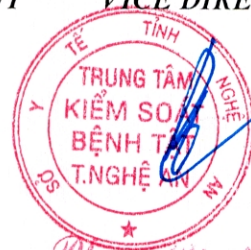
TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR

Dương Thị Thảo

Lê Thị Nga

Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ/**Tests are use subcontractors



SỞ Y TẾ NGHỆ AN
NGHỆ AN DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CENTERS FOR DISEASE CONTROL (CDC)

Địa chỉ/Address: 140 Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An/
140 Le Hong Phong Street, Vinh Town, Nghe An Province
ĐT/Tel: 02383835810/02383593071
Email: xetnghiemdpna@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 142/PKN-KSBT

- Tên mẫu/Name of sample:** Nước máy **Mã số/Code:** 240334/81
- Vị trí lấy mẫu/Sampling locations:** Cửa hàng Thương Beuty
Xóm Đại Đồng, Xã Kim Liên, Huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An
- Mô tả mẫu/Description:** 1500ml/chai nhựa kín x 02 chai, 500mL/chai nút mài x 02 chai (Có tem niêm phong)
- Ngày giờ nhận mẫu/Sample date and time:** 8h00 ngày 21/03/2024
- Người giao mẫu/Sample delivery man:** ThS Hiền – Khoa SKMT& YTTH Trung tâm KSBT Nghệ An
- Ngày giờ thử nghiệm mẫu/Sample test date and time:** Từ ngày 21/03/2024 đến 02/04/2024
- Kết quả thử nghiệm/Test result:**

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Giới hạn tối đa cho phép Regular limit (QCDP 01:2021/NA)	Kết quả Result
Các thông số nhóm A					
Thông số vi sinh vật					
1	Coliforms*	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<3	KPH
2	E. coli * hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL	TCVN 6187-1:2019	<1	KPH
Thông số cảm quan và vô cơ					
3	Clo dư tự do	mg/L	HANNA – HI 96701	0,2 – 1,0	0,73
4	Màu sắc*	TCU	TCVN 6185 - 2015	15	0,0
5	Độ đục*	NTU	TCVN 12402-1:2020	2	0,38
6	Mùi, vị		Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
7	pH*		TCVN 6492:2011	6,0 – 8,5	7,55
Các thông số nhóm B					
Thông số vi sinh vật					
8	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 mL	SMEWW 9213B	<1	KPH
9	Trực khuẩn mủ xanh* (Ps. Aures)	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011	<1	KPH
Thông số vô cơ					

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /

The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/

The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department

5* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 *Tests area accredited ISO/IEC 17025:2017

6** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ F 2017	0,3	KPH(< 0,006)
11	Chỉ số Pecmanganat*	mg/L	TCVN 6186-1996	2	1,98
12	Chloride (Cl ⁻)*	mg/L	TCVN 6194-1996	250	14,89
13	Độ cứng tính theo CaCO ₃ *	mg/L	TCVN 6224 -1996	300	78
14	Fluor (F)	mg/L	TCVN 6195-1996	1,5	0,2
15	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6180-1996	2	0,789
16	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/L	TCVN 6178-1996	0,05	KPH(< 0,003)
17	Sắt (Ferrum) (Fe)*	mg/L	SMEWW 3500-FeB: 2017	0,3	KPH(< 0,017)
18	Sunphat	mg/L	TCVN 6200-1996	250	2,099
19	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	TCVN 7877-2008	0,001	KPH (< 0,00015)
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540 C	1000	108
21	Xyanua (CN ⁻)*	mg/L	TCVN 6181-1996	0,05	KPH(< 0,003)

Ghi chú: KPH : Không phát hiện có nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp

Vinh, ngày 02 tháng 4 năm 2024

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LAB
HÒA-CHEMICAL VI SINH-MICROBIOLOGY

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

PHÓ GIÁM ĐỐC
VICE DIRECTOR


Dương Thị Thảo


Lê Thị Nga


Cao Thúy Trinh



Phạm Đình Du

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Nghệ An /
The test report must not be reproduced without the written approval of Nghệ An Center for disease control
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Phiếu kết quả này được làm thành 03 bản: 02 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm/
The test result are printed in 03 documents: 02 document is given to customer; 01 document is stored at Testing Department
5*. Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017**Tests area ccredited ISO/IEC 17025:2017
6**. Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ **Tests are use subcontractors